

Số: 1856 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 40/TTr-SDL ngày 04 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Minh Thành



**HẠCH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1856/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra. (Lưu ý: Thời gian giải quyết không tính từ ngày nhận hồ sơ mà tính từ ngày có kết quả kiểm tra nghiệp vụ).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kiên Giang	200.000đ/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	<ul style="list-style-type: none">- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
2	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kiên Giang	650.000đ/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
3	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kiên Giang	650.000đ/thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
4	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kiên	650.000đ/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hướng dẫn viên du lịch nội địa		Giang	hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
5	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kiên Giang	- 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; - 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

1. Thủ tục: Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

*** Trình tự thực hiện:**

- Định kỳ hàng năm Sở Du lịch công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm;

- Người đề nghị cấp Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm gửi hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Du lịch);

- Sở Du lịch tổ chức kiểm tra và cấp Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Du lịch).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.

- *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra. (Lưu ý: Thời gian giải quyết không tính từ ngày nhận hồ sơ mà tính từ ngày có kết quả kiểm tra nghiệp vụ).

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Du lịch

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

*** Phí, lệ phí:** 200.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (3) Không mắc các bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- (4) Đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch tổ chức.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;
- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh: /...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế*):.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh.....
..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch
.....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:
(1) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

2. Thủ tục: Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

*** Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Du lịch);

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Du lịch).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(4) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài;

- Chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(5) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(6) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Du lịch

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

*** Phí, lệ phí:** 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng các chất ma túy;

(4) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; nếu tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế.

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh: /...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế*):.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh.....
..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch
.....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

3. Thủ tục: Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

*** Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Du lịch);

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Du lịch).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ sau: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa

(4) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(5) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Du lịch

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

*** Phí, lệ phí:** 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- (4) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; nếu tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;
- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh: /...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế*):.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh.....
..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch
.....(1)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:
(1) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

4. Thủ tục: Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

*** Trình tự thực hiện:**

- Khi thẻ hết hạn sử dụng, Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Du lịch);

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch tiến hành cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Du lịch).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm nộp hồ sơ;

(4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm;

(5) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp;

(6) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

*** Phí, lệ phí:** 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

.....(1)..... thẻ hướng dẫn viên du lịch(2).....

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
 - Ngày sinh: /..... /..... - Giới tính: Nam Nữ
 - Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
 - Nơi cấp: - Ngày cấp:
 - Hộ khẩu thường trú:.....
 - Địa chỉ liên lạc:
 - Điện thoại: - Email:
 - Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
+ Loại: Nội địa Quốc tế Tại điểm
+ Số thẻ: - Nơi cấp..... - Ngày cấp:/...../.....
 - Lý do đề nghị đổi/cấp lại thẻ:
-

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh thẩm định và.....(1).....thẻ hướng dẫn viên du lịch(2)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Cấp đổi (trong các trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Du lịch); cấp lại (trong các trường hợp quy định tại Điều 63 Luật Du lịch);

(2) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

5. Thủ tục: Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch

*** Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp thẻ bị mất, bị hư hỏng hoặc thay đổi thông tin trên thẻ, Hướng dẫn viên du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Du lịch);

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch có trách nhiệm cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Du lịch).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Hai ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm;

(3) Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

*** Phí, lệ phí:**

- 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*);

- 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế. Hướng dẫn viên du lịch tại điểm đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch tổ chức.

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

.....(1)..... **thẻ hướng dẫn viên du lịch**(2).....

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh: /...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
+ Loại: Nội địa Quốc tế Tại điểm
+ Số thẻ: - Nơi cấp..... - Ngày cấp:/...../.....
- Lý do đề nghị đổi/cấp lại thẻ:

.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh
..... thẩm định và.....(1).....thẻ hướng dẫn viên du lịch
.....(2)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội
dung hồ sơ đề nghị cấp đổi/cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Cấp đổi (trong các trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Du lịch); cấp lại (trong các trường hợp quy định tại Điều 63 Luật Du lịch);

(2) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.